

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1773 /SXD-QH

An Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2020

V/v Báo cáo kết quả thẩm định Đề
án “Đề nghị công nhận thành phố
Long Xuyên là đô thị loại I trực
thuộc tỉnh An Giang”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 801/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh định hướng phát triển hệ thống đô thị thuộc Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014;

Căn cứ Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Long Xuyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Long Xuyên giai đoạn 2017 - 2020 định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Long Xuyên về việc thông qua Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”; Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của UBND thành phố Long Xuyên về việc thẩm định Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”;

Căn cứ văn bản số 718/STP-XDKT&TDTHPL ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Sở Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”.

Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang”, với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. Sự cần thiết lập đề án:

Tỉnh An Giang là một trong 04 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Phía Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Tây Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam giáp tỉnh Kiên Giang, phía Đông Nam giáp thành phố Cần Thơ.

Tỉnh An Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có 02 thành phố trực thuộc tỉnh là Long Xuyên và Châu Đốc, 01 thị xã Tân Châu và 08 huyện Thoại Sơn, An Phú, Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân, Tịnh Biên, Tri Tôn; Diện tích tự nhiên 3.536,7 km².

Thành phố Long Xuyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh An Giang, thành phố tỉnh lỵ của tỉnh An Giang, có vai trò quan trọng trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước (dân số đứng thứ 02 vùng đồng bằng sông Cửu Long, chỉ sau thành phố Cần Thơ). Thành phố Long Xuyên có vị trí chiến lược trong vùng, là điểm giao thoa giữa 02 khu vực năng động của vùng đô thị trung tâm và tứ giác Long Xuyên; nằm trong trung tâm của vùng tam giác phát triển bao gồm thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Phnompenh và nằm trên các trục hành lang kinh tế đô thị quốc tế, quốc gia. Có lợi thế kết nối thuận lợi với các vùng của quốc gia, quốc tế bằng đường bộ (Quốc lộ 91, cao tốc Bắc Nam phía Tây – cầu Vàm Cống) và đường thủy (sông Hậu). Đồng thời thành phố Long Xuyên cũng có điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp dựa trên lợi thế có cảng Mỹ Thới nằm phía Nam thành phố cặp bờ sông Hậu là một trong các cảng hoạt động có

hiệu quả ở vùng đồng bằng sông Cửu Long với năng lực thông quan 03 triệu tấn/năm.

Nằm trên hành lang quốc lộ 91, gắn kết với 05 cửa khẩu của tỉnh An Giang (02 cửa khẩu quốc tế: Tịnh Biên, Vĩnh Xương; 02 cửa khẩu chính: Khánh Bình, Vĩnh Hội Đông và 01 cửa khẩu phụ Bắc Đai), với 96,9km đường biên giới, thành phố Long Xuyên đã phát huy tiềm năng và lợi thế để phát triển thương mại nội địa và xuất nhập khẩu, với vai trò là trung tâm giao thương, tiêu thụ, trung chuyển hàng hóa của tỉnh với trên 16.326 cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ cá thể, đóng góp 81,48% trong cơ cấu kinh tế của thành phố, là đô thị có tỷ trọng thương mại-dịch vụ cao nhất trong toàn bộ hệ thống 12 đô thị tỉnh lỵ của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với thế mạnh du lịch của tỉnh An Giang nói chung, khu vực thành phố Long Xuyên có Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Khu du lịch Cồn Pháo Ba, Khu du lịch Cù lao Ông Hồ và nhiều di tích lịch sử văn hóa, khu du lịch sinh thái, hàng năm đón hơn 9,2 triệu lượt khách du lịch lưu trú trên địa bàn thành phố.

Thành phố Long Xuyên hiện nay có 13 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 11 phường: Bình Đức, Bình Khánh, Đông Xuyên, Mỹ Bình, Mỹ Hòa, Mỹ Long, Mỹ Phước, Mỹ Quý, Mỹ Thạnh, Mỹ Thới, Mỹ Xuyên và 02 xã Mỹ Hòa Hưng, Mỹ Khánh. Tỷ lệ đô thị hóa của thành phố đạt 88%;

Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 xác định Thành phố Long Xuyên là đô thị loại I, trung tâm tăng trưởng kinh tế, trung tâm thương mại dịch vụ của tiểu vùng giữa đồng bằng tại khu vực phía Nam sông Hậu; là Trung tâm đào tạo, chuyển giao công nghệ, trung tâm công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội đối với tỉnh An Giang, vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định thành phố Long Xuyên là đô thị hạt nhân của vùng I - Vùng kinh tế trung tâm bao gồm thành phố Long Xuyên, huyện Thoại Sơn và huyện Châu Thành với thế mạnh về phát triển đô thị, khu công nghiệp, thương mại dịch vụ - du lịch dựa trên lợi thế các trục hành lang kinh tế quốc gia quan trọng (đường Hồ Chí Minh-N2, quốc lộ 91, quốc lộ 80, sông Hậu).

Thành phố Long Xuyên được công nhận là đô thị loại II theo Quyết định số 747/QĐ-TTg ngày 14/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Trải qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, đến nay Thành phố đã có những bước phát triển vững chắc về mọi mặt, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Các công trình phục vụ công cộng và cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị được đầu tư và xây dựng đồng bộ, ngày càng hoàn thiện trên nhiều lĩnh vực, tạo bộ mặt đô thị ngày càng khang trang: xanh, sạch, đẹp. Vừa qua, nhiều dự án trọng điểm được triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, như: Phố đi

bộ Hai Bà Trưng – Nguyễn Huệ; Dự án nâng cấp 168 tuyến đường nội ô thành phố; Hoàn thiện dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên; Thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng bằng đèn Led; ...Đặc biệt, công tác giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư dự án Tuyến tránh thành phố, ...Cảnh quan đô thị ngày một khang trang hơn, hệ thống vỉa hè, cây xanh đường phố, cây xanh cảnh quan, nhà ở xây dựng kiên cố đảm bảo công năng và cảnh quan đô thị, phục vụ việc đi lại của nhân dân được thuận tiện. Chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày càng được nâng lên, vệ sinh môi trường được đảm bảo.

Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020, Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Long Xuyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030 đã xác định phát triển thành phố Long Xuyên trở thành một đô thị văn minh, hiện đại và trở thành đô thị loại I trước năm 2020.

Với vai trò và tính chất như trên, việc đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang là cần thiết, phù hợp với định hướng Quy hoạch kinh tế xã hội, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Long Xuyên. Đây là cơ sở góp phần phát huy được sức mạnh tổng hợp, tạo sức lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cấp vùng, nâng cao chất lượng sống của cư dân đô thị và phát triển kinh tế, xứng đáng với vai trò là trung tâm tổng hợp của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

II. Đánh giá các yếu tố cơ bản phân loại đô thị thành phố Long Xuyên:

Đối chiếu với Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị.

Xét tổng quan thành phố Long Xuyên đã có những bước phát triển cơ bản hội đủ các tiêu chí của đô thị loại I, với 05 tiêu chí đã đạt được như sau: (Đính kèm *bảng tổng hợp tiêu chí, đánh giá*).

1. Tiêu chí: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế – xã hội đạt: **19,36/20 điểm.**
2. Tiêu chí: Quy mô dân số đạt: **7,29/8,0 điểm.**
3. Tiêu chí: Mật độ dân số đạt: **6,0/6,0 điểm.**
4. Tiêu chí: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt: **6,0/6,0 điểm.**
5. Tiêu chí: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: **50,96/60,0 điểm.**

* Tổng hợp tiêu chí phân loại đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị, thành phố Long Xuyên là đô thị loại I với tổng số điểm là **89,61/100 điểm**.

(Theo quy định tại Điểm 3, Điều 10, Chương III Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì đô thị được công nhận loại đô thị khi các tiêu chí đạt mức tối thiểu và tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 75 điểm trở lên).

III. Kiến nghị:

Đề án “Đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang” cơ bản tuân thủ theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị.

Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề án công nhận thành phố Long Xuyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang, làm cơ sở trình Bộ Xây dựng thẩm định Đề án và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định công nhận thành phố Long Xuyên là đô thị loại I trực thuộc tỉnh An Giang. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND tỉnh (b/c);
- UBND, P.QLĐT TP.Long Xuyên;
- Lưu: VT, QH(Tài-20b).



Nguyễn Thị Minh Thúy

Đính kèm:

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh;
- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh;
- Văn bản số 718/STP-XDKT&TDTHPL.

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU PHÂN LOẠI ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI I**

(Đính kèm văn bản số 1773/SXD-QH ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Sở Xây dựng)

TT	Các yêu cầu đánh giá	Đơn vị	Hạng điểm		Chỉ tiêu của DT loại I		Hiện trạng 2019	Điểm
			Tổ chức	Nhà tư	Cấp dưới	Cấp trên		
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		15,00	20,00				19,36
1.1	Vị trí, chức năng, vai trò		3,75	5,00	Là trung tâm tổng hợp cấp vùng hoặc cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, VH, GDĐT, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy KTXH của một vùng liên tỉnh	Là trung tâm tổng hợp quốc gia về kinh tế, tài chính, VH, GDĐT, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy KTXH của một vùng liên tỉnh hoặc cả nước	Là trung tâm tổng hợp quốc gia về kinh tế, tài chính, VH, GDĐT, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy KTXH của vùng ĐBSCL	5,00
1.2	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		11,25	15,00				14,36
1.2.1	Cân đối thu chi ngân sách		1,50	2,00	Đủ	Dư	Dư	2,00
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước	lần	2,25	3,00	1,75	2,1	2,26	3,00
1.2.3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế		2,25	3,00	Tăng tỷ trọng CN, XD hoặc tăng tỷ trọng DV giảm nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra (1)	Tăng tỷ trọng CN, XD và DV, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra (2)	Tăng tỷ trọng CN, XD và DV, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	3,00
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	1,50	2,00	7	9	10,25	2,00
1.2.5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	1,50	2,00	6	5,5	0,03	2,00

Các tiêu chí đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu tiêu DT loại		Hiện trạng 2019	Điểm
		Tối thiểu	Tối đa	Cấp đơn	Cấp trên		
1.2.6 Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	2,25	3,00	1,6	2	1,66	2,36
II Quy mô dân số		6,00	8,00				7,29
2.1 Dân số toàn đô thị	1000 người	1,50	2,00	500	1000	503,0	1,50
2.2 Dân số nội thị	1000 người	4,50	6,00	200	500	457,9	5,79
III Mật độ dân số		4,50	6,00				6,00
3.1 Mật độ dân số toàn đô thị	người/km2	1,00	1,50	2000	3000	4.375	1,50
3.2 Mật độ dân số khu vực nội thị	người/km2	3,50	4,50	10000	12000	19.829	4,50
IV Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	4,50	6,00				6,00
4.1 Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	1,00	1,50	65	75	94,9	1,50
4.2 Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	3,50	4,50	85	90	97,2	4,50
V Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị		45,00	60,00				50,96
5.1 Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội		7,50	10,00				5,65
5.1.1 Các tiêu chuẩn về nhà ở		1,50	2,00				1,00
1 Diện tích sàn nhà ở bình quân	m2 sàn/người	0,75	1,00	26,5	29	21,8	0,00
2 Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị	%	0,75	1,00	90	95	98,02	1,00
5.1.2 Các tiêu chuẩn về công trình công cộng		6,00	8,00				4,65
1 Chỉ tiêu đất dân dụng	m2/người	0,75	1,00	54	61	41,64	0,00
2 Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m2/người	0,75	1,00	4	5	2,98	0,00
3 Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	m2/người	0,75	1,00	1,5	2	0,70	0,00
4 Cơ sở y tế cấp đô thị	giường/1000ng	0,75	1,00	2,4	2,8	4,47	1,00
5 Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	cơ sở	0,75	1,00	20	30	26	0,90
6 Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	10	14	10	0,75
7 Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	7	10	12	1,00
8 Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	10	14	21	1,00
5.2 Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật		10,50	14,00				12,34
5.2.1 Các tiêu chuẩn về giao thông		4,50	6,00				4,77
1 Đầu mối giao thông	cấp	1,50	2,00	Quốc gia	Quốc tế	Quốc tế	2,00

STT	Các yêu cầu đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại I		Hiện trạng 2019	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cấp dưới	Cấp trên		
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	0,75	1,00	16	24	26,12	1,00
3	Mật độ đường giao thông (MC lòng đường $\geq 7,5m$)	km/km ²	0,75	1,00	10	13	6,41	0,00
4	Diện tích đất giao thông/dân số	m ² /người	0,75	1,00	13	15	13,17	0,77
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	0,75	1,00	15	20	20,00	1,00
5.2.2	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng		2,25	3,00				2,78
1	Cấp điện sinh hoạt	kwh/ng/năm	0,75	1,00	850	1000	871	0,78
2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	0,75	1,00	95	100	100,0	1,00
3	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	0,75	1,00	60	85	85,0	1,00
5.2.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước		2,25	3,00				2,79
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt nội thị	l/ng.ngđ	0,75	1,00	120	130	121,4	0,79
2	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch khu vực nội thị	%	1,50	2,00	95	100	100,0	2,00
5.2.4	Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông		1,50	2,00				2,00
1	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và di động)	thuê bao int/100ng	0,75	1,00	25	30	32,9	1,00
2	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động/dân số	%	0,75	1,00	95	100	100,0	1,00
5.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường		10,50	14,00				11,47
5.3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng		2,25	3,00				3,00
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	1,50	2,00	4	4,5	6,3	2,00
2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	%	0,75	1,00	20	50	50	1,00
5.3.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải		3,75	5,00				4,75
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	0,75	1,00	70	85	100,00	1,00
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	0,75	1,00	40	50	40,0	0,75
3	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	%	0,75	1,00	90	100	100,0	1,00
4	Tỷ lệ CTR được xử lý hợp vệ sinh	%	0,75	1,00	80	90	90,0	1,00
5	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	0,75	1,00	90	100	100	1,00
5.3.3	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ		1,50	2,00				1,75
1	Nhà tang lễ	cơ sở	0,75	1,00	2	4	2	0,75

STT	Tên tiêu chí đánh giá	Đơn vị	Tổng điểm		Chỉ tiêu cấp phân loại		Hiện trạng (%)	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cấp Quốc gia	Cấp trên		
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	0,75	1,00	20	25	29	1,00
5.3.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị		3,00	4,00				1,97
1	Đất cây xanh toàn đô thị	m2/người	1,50	2,00	10	15	6,5	0,00
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị	m2/người	1,50	2,00	5	6	5,9	1,97
5.4	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị		7,50	10,00				9,50
1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		1,50	2,00	Đã có quy chế	Đã có quy chế tối thiểu 2 năm	Đã có quy chế	1,50
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính	%	1,50	2,00	50	60	90,2	2,00
3	Số lượng dự án cải tạo chỉnh trang đô thị	dự án	1,50	2,00	4	6	26	2,00
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	1,50	2,00	5	7	21	2,00
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu		1,50	2,00	Cấp tỉnh	Cấp Quốc gia	Cấp Quốc gia	2,00
5.5	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị		9,00	12,00				12,00
1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội		3	4				4,00
1.1	Trường học	%	0,75	1,00	50	60	100,0	1,00
1.2	Cơ sở vật chất văn hóa	%	0,75	1,00	45	60	100,0	1,00
1.3	Chợ nông thôn	%	0,75	1,00	70	80	100,0	1,00
1.4	Nhà ở dân cư	%	0,75	1,00	80	90	90,2	1,00
2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật		3	4				4,00
2.1	Giao thông	%	2,25	3,00	50	60	94,9	3,00
2.2	Điện	%	0,75	1,00	85	90	100	1,00
3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường		1,5	2				2,00
3.1	Môi trường	%	1,50	2,00	65	70	97,8	2,00
4	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị		1,5	2				2,00
4.1	Quy hoạch nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái phục hồi, bảo vệ	%	1,50	2,00	80	90	100	2,00
Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị			75,00	100,00				89,61

Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị thành phố Long Xuyên (2019): 89,61/100 điểm.